

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN  
FPT**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT**

153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 26



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Thang Đức Thắng	Chủ tịch
Bà Chu Thị Thanh Hà	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Lâm Phương	Thành viên
Ông Thang Đức Thắng	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Khoa	Giám đốc Điều hành
Bà Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Công Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN  
**FPT**

Nguyễn Văn Khoa  
Giám đốc Điều hành  
Ngày 28 tháng 02 năm 2015



Số: 474 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2015, từ trang 3 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Quang Trung  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 28 tháng 02 năm 2015  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Bùi Quốc Anh  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2133-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>388.072.358.293</b>	<b>231.734.377.583</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>265.562.396.295</b>	<b>141.065.560.829</b>
1. Tiền	111		37.377.825.867	19.495.261.255
2. Các khoản tương đương tiền	112		228.184.570.428	121.570.299.574
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.000.000.000	4.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>95.308.386.335</b>	<b>68.657.017.730</b>
1. Phải thu khách hàng	131		90.994.737.701	63.402.480.420
2. Trả trước cho người bán	132		10.731.249.331	7.907.241.211
3. Các khoản phải thu khác	135		70.220.687	1.822.238.884
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.487.821.384)	(4.474.942.785)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.376.140.117</b>	<b>1.327.934.319</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>7</b>	1.376.140.117	1.327.934.319
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21.825.435.546</b>	<b>16.683.864.705</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.317.463.933	8.116.767.718
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.507.971.613	8.567.096.987
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>99.585.533.364</b>	<b>152.523.370.005</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.715.317.211</b>	<b>33.077.004.272</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	20.504.988.257	25.511.996.889
- Nguyên giá	222		78.468.037.302	82.847.071.389
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.963.049.045)	(57.335.074.500)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>9</b>	210.328.954	320.157.383
- Nguyên giá	228		1.737.514.743	21.627.278.335
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.527.185.789)	(21.307.120.952)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>10</b>	-	7.244.850.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.704.588.541</b>	<b>5.065.327.543</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>12</b>	1.747.897.360	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		2.956.691.181	5.065.327.543
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>74.165.627.612</b>	<b>114.381.038.190</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>13</b>	69.105.745.695	107.239.465.607
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>14</b>	5.059.881.917	6.599.152.633
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	542.419.950
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>487.657.891.657</b>	<b>384.257.747.588</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>133.767.662.837</b>	<b>112.807.487.296</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>133.767.662.837</b>	<b>112.807.219.256</b>
1. Phải trả người bán	312		29.489.463.793	21.800.833.565
2. Người mua trả tiền trước	313		1.761.844.172	6.374.064.232
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	11.311.278.805	6.325.445.625
4. Phải trả người lao động	315		9.066.014.666	3.005.519.318
5. Chi phí phải trả	316		31.441.431.489	44.337.437.173
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		20.300.311.786	1.495.638.231
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	16	6.444.111.115	11.138.402.972
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		23.953.207.011	18.329.878.140
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>268.040</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	268.040
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>338.581.937.265</b>	<b>251.800.771.449</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>338.581.937.265</b>	<b>251.800.771.449</b>
1. Vốn điều lệ	411		140.853.360.000	140.853.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.944.062.045	12.944.062.045
3. Cổ phiếu quỹ	414		(351.410.000)	(261.410.000)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		185.135.925.220	98.264.759.404
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>17</b>	<b>15.308.291.555</b>	<b>19.649.488.843</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>487.657.891.657</b>	<b>384.257.747.588</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
1. Ngoại tệ các loại				
- Đô la Mỹ (USD)			1.034.981	714.805

*(Signature)*

Nguyễn Ngọc Duy Sinh  
 Người lập biểu

*(Signature)*

Lã Thị Thanh Hằng  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khoa  
 Giám đốc Điều hành  
 Ngày 28 tháng 02 năm 2015



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2014	2013
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		954.896.425.890	1.057.443.694.379
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.676.707.389	9.383.919.981
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	949.219.718.501	1.048.059.774.398
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	691.626.409.527	700.098.439.537
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		257.593.308.974	347.961.334.861
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		28.152.731.810	5.358.592.315
7. Chi phí tài chính	22		393.961.375	123.578.448
8. Chi phí bán hàng	24		68.927.919.334	85.111.405.385
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		116.860.676.335	120.460.195.690
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		99.563.483.740	147.624.747.653
11. Thu nhập khác	31		1.077.174.329	8.744.882.960
12. Chi phí khác	32		1.257.826.715	16.557.848.906
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(180.652.386)	(7.812.965.946)
14. Lỗ từ đầu tư vào công ty liên kết	45	12	(3.292.102.640)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		96.090.728.714	139.811.781.707
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	25.331.969.514	29.745.571.235
17. (Thu nhập)/ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	22	1.539.270.716	(1.314.631.829)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		69.219.488.484	111.380.842.301
Trong đó:				
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(1.064.689.526)	2.239.972.454
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		70.284.178.010	109.140.869.847
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	5.002	7.753



Nguyễn Ngọc Duy Sinh  
 Người lập biểu



Lê Thị Thanh Hằng  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khoa  
 Giám đốc Điều hành  
 Ngày 28 tháng 02 năm 2015



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	96.090.728.714	139.811.781.707
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.624.727.696	18.476.039.847
Các khoản dự phòng	03	2.012.878.599	1.507.311.935
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(494.394.550)	(273.831.791)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(14.452.628.622)	(363.800.905)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	95.781.311.837	159.157.500.793
Thay đổi các khoản phải thu	09	(715.528.029)	43.413.452.104
Thay đổi hàng tồn kho	10	(48.205.798)	7.778.798.724
Thay đổi các khoản phải trả	11	10.783.807.378	5.923.286.311
Thay đổi chi phí trả trước	12	32.992.149.071	(59.616.360.213)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(22.006.570.532)	(32.041.505.802)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(176.741.804)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>116.786.963.927</b>	<b>124.438.430.113</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(14.859.507.650)	(2.928.240.282)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	1.148.298.831
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.400.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	23.108.636.362	-
5. Lãi tiền gửi nhận được	27	7.456.348.277	5.084.760.524
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>7.305.476.989</b>	<b>3.304.819.073</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(90.000.000)	(171.660.000)
2. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(105.498.146.499)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(90.000.000)</b>	<b>(105.669.806.499)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>124.002.440.916</b>	<b>22.073.442.687</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>141.065.560.829</b>	<b>118.718.286.351</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	494.394.550	273.831.791
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>265.562.396.295</b>	<b>141.065.560.829</b>

Nguyễn Ngọc Duy Sinh  
 Người lập biểu

Lê Thị Thanh Hằng  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khoa  
 Giám đốc Điều hành  
 Ngày 28 tháng 02 năm 2015



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần 10 của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0305045911 ngày 20 tháng 5 năm 2013.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 426 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 880).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ viễn thông, dịch vụ quảng cáo trực tuyến, dịch vụ truy cập internet, dịch vụ truy cập dữ liệu, dịch vụ xử lý số liệu và thông tin trên mạng internet, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử; kinh doanh các trò chơi điện tử và các dịch vụ trực tuyến khác.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính ngắn hạn và ký quỹ, ký cược dài hạn.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	1 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm chi phí mua giấy phép kinh doanh trò chơi trực tuyến và phần mềm máy tính. Chi phí mua giấy phép và phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm phí bản quyền và các chi phí ban đầu khác để cài đặt đưa các trò chơi trực tuyến vào sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê nhà, chi phí bản quyền trả trước, chi phí xây dựng website, và các loại chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê nhà thể hiện số tiền thuê nhà đã được trả trước. Tiền thuê nhà trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí bản quyền trả trước, chi phí xây dựng website và các loại chi phí trả trước dài hạn khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ bán thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi hàng năm được trích lập không vượt quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế và phụ thuộc vào phê duyệt của Đại Hội đồng Cổ đông.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	308.593.533	531.410.601
Tiền gửi ngân hàng	37.069.232.334	18.963.850.654
Các khoản tương đương tiền	228.184.570.428	121.570.299.574
	<u><u>265.562.396.295</u></u>	<u><u>141.065.560.829</u></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam với mức lãi suất từ 0,25%/năm đến 5%/năm (năm 2013: từ 0,25%/năm đến 6,9%/năm). Thời hạn của khoản tiền gửi này là 01 tháng kể từ ngày bắt đầu gửi tiền.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT**153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	3.700.000.000	3.700.000.000
Công ty TNHH Đầu tư FC	300.000.000	300.000.000
	<u><b>4.000.000.000</b></u>	<u><b>4.000.000.000</b></u>

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện khoản ủy thác đầu tư có thời hạn 01 năm từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 3 năm 2015.

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	-	847.070.341
Công cụ, dụng cụ	1.376.140.117	272.391.010
Hàng hoá	-	208.472.968
<b>Cộng</b>	<u><b>1.376.140.117</b></u>	<u><b>1.327.934.319</b></u>

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	2.043.563.950	80.803.507.439	82.847.071.389
Tăng trong năm	-	14.859.507.650	14.859.507.650
Thanh lý, nhượng bán	-	(19.238.541.737)	(19.238.541.737)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<u><b>2.043.563.950</b></u>	<u><b>76.424.473.352</b></u>	<u><b>78.468.037.302</b></u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	1.967.980.556	55.367.093.944	57.335.074.500
Khấu hao trong năm	75.583.394	12.439.315.873	12.514.899.267
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.886.924.722)	(11.886.924.722)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<u><b>2.043.563.950</b></u>	<u><b>55.919.485.095</b></u>	<u><b>57.963.049.045</b></u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2014	<u><b>-</b></u>	<u><b>20.504.988.257</b></u>	<u><b>20.504.988.257</b></u>
Tại ngày 31/12/2013	<u><b>75.583.394</b></u>	<u><b>25.436.413.495</b></u>	<u><b>25.511.996.889</b></u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 29.947.909.786 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 34.985.855.584 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giấy phép VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	20.102.377.011	1.524.901.324	21.627.278.335
Thanh lý, nhượng bán	(19.837.469.436)	(52.294.156)	(19.889.763.592)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<u>264.907.575</u>	<u>1.472.607.168</u>	<u>1.737.514.743</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	20.102.377.011	1.204.743.941	21.307.120.952
Khấu hao trong năm	-	109.828.429	109.828.429
Thanh lý, nhượng bán	(19.837.469.436)	(52.294.156)	(19.889.763.592)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<u>264.907.575</u>	<u>1.262.278.214</u>	<u>1.527.185.789</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2014	<u>-</u>	<u>210.328.954</u>	<u>210.328.954</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>-</u>	<u>320.157.383</u>	<u>320.157.383</u>

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tại ngày 01/01	7.244.850.000	8.591.384.262
Tăng trong năm	-	8.930.350.000
Giảm trong năm	(7.244.850.000)	(10.276.884.262)
<b>Tại ngày 31/12</b>	<u>-</u>	<u>7.244.850.000</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT**153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate	Số 357 Phố Thống Nhất, Thị trấn Me, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	60,00%	Phân phối thẻ trả trước: thẻ game, thẻ viễn thông
Công ty Cổ phần Phần mềm Trực tuyến FPT	Số 153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	60,00%	Sản xuất phần mềm
Công ty Cổ phần FPT Payment Technology	Số 408 Điện Biên Phủ, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	0,00%	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng internet, dịch vụ truy cập và xử lý số liệu, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Trực tuyến Quốc tế FPT	Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành, 102 Thái Thịnh, Quận Đống Đa, Hà Nội	100,00%	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính

Trong năm 2014, Công ty đã rút toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần FPT Payment Technology với số tiền là 19.444.687.917 đồng.

Trong năm 2014, Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate, Công ty Cổ phần Phần mềm Trực tuyến FPT và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ trực tuyến quốc tế FPT đã tạm ngừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể.

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Công nghệ Sendo	Thành phố Hồ Chí Minh	27,27	27,27	Dịch vụ thương mại điện tử
			31/12/2014	31/12/2013
			VND	VND
Giá trị khoản đầu tư gốc			5.040.000.000	-
Phần kết quả thuần của Công ty liên kết				
Trong năm			(3.292.102.640)	-
			<b>1.747.897.360</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT**153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bản quyền, phần mềm	8.756.242.881	32.399.522.205
Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước dài hạn khác	60.349.502.814	74.839.943.402
	<b><u>69.105.745.695</u></b>	<b><u>107.239.465.607</u></b>

**14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước:

	Doanh thu chưa thực hiện <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	5.284.520.803
Chuyển sang lợi nhuận	1.314.631.830
Tại ngày 01/01/2014	6.599.152.633
Chuyển sang lợi nhuận	<u>(1.539.270.716)</u>
Tại ngày 31/12/2014	<b><u>5.059.881.917</u></b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	2.528.331.220	204.312.059
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.621.426.243	4.296.537.208
Thuế thu nhập cá nhân	544.045.417	520.656.229
Các loại thuế khác	617.475.925	1.303.940.129
	<b><u>11.311.278.805</u></b>	<b><u>6.325.445.625</u></b>

**16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Trong năm 2014, Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 10% từ lợi nhuận sau thuế theo Điều lệ của Công ty. Việc phân chia quỹ này cũng như phương án phân chia lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 dự kiến sẽ được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua trong năm 2015.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT**153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN****17. VỐN CỔ ĐÔNG**

Tình hình biến động vốn cổ đông trong năm như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng	Lợi ích của cổ đông thiểu số
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	140.853.360.000	12.944.062.045	(89.750.000)	105.936.862.090	259.644.534.135	24.371.136.389
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(171.660.000)	-	(171.660.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	109.140.869.847	109.140.869.847	2.239.972.454
Tăng khác	-	-	-	(11.138.084.230)	(11.138.084.230)	-
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	(105.498.146.499)	(105.498.146.499)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(176.741.804)	(176.741.804)	(6.961.620.000)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>140.853.360.000</b>	<b>12.944.062.045</b>	<b>(261.410.000)</b>	<b>98.264.759.404</b>	<b>251.800.771.449</b>	<b>19.649.488.843</b>
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(90.000.000)	-	(90.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	70.284.178.010	70.284.178.010	(1.064.689.526)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(6.850.969.181)	(6.850.969.181)	-
Giảm khác (**)	-	-	-	-	-	(3.276.507.762)
Tăng khác (***)	-	-	-	23.437.956.987	23.437.956.987	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>140.853.360.000</b>	<b>12.944.062.045</b>	<b>(351.410.000)</b>	<b>185.135.925.220</b>	<b>338.581.937.265</b>	<b>15.308.291.555</b>

(\*) Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: xem thuyết minh số 16.

(\*\*) Giảm khác của lợi ích cổ đông thiểu số thể hiện khoản rút vốn của các cổ đông thiểu số tại Công ty Cổ phần FPT Payment Technology.

(\*\*\*) Tăng khác thể hiện ảnh hưởng của các điều chỉnh khi hợp nhất các Công ty con, Công ty liên kết



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT**153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty đã được cổ đông góp đủ. Chi tiết vốn góp của các cổ đông của Công ty như sau:

<b>Tên cổ đông</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu (%)</b>	<b>Giá trị VND</b>
Công ty Cổ phần FPT	2.106.666	14,96%	21.066.660.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	8.327.758	59,12%	83.277.580.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	1.409.086	10,00%	14.090.860.000
Cổ đông ưu đãi	44.141	0,31%	441.410.000
Cổ đông phổ thông khác	2.197.685	15,61%	21.976.850.000
	<b>14.085.336</b>	<b>100%</b>	<b>140.853.360.000</b>

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty:

	<b>2014</b>		<b>2013</b>	
	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Số tiền VND</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Số tiền VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	<b>14.085.336</b>	<b>140.853.360.000</b>	<b>14.085.336</b>	<b>140.853.360.000</b>
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	14.040.195	140.401.950.000	13.725.001	137.250.010.000
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	45.141	451.410.000	360.335	3.603.350.000
	<b>14.085.336</b>	<b>140.853.360.000</b>	<b>14.085.336</b>	<b>140.853.360.000</b>
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	(35.141)	(351.410.000)	(26.141)	(261.410.000)
	<b>(35.141)</b>	<b>(351.410.000)</b>	<b>(26.141)</b>	<b>(261.410.000)</b>
<b>Số cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	14.040.195		13.725.001	
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	10.000		334.194	
	<b>14.050.195</b>		<b>14.059.195</b>	

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cổ phiếu quỹ phản ánh số cổ phiếu mua lại từ những nhân viên cũ không còn làm việc tại Công ty.

Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng. Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phiếu này không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày phát hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT**153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>954.896.425.890</b>	<b>1.057.443.694.379</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	234.400.305.566	215.384.482.946
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	720.496.120.324	842.059.211.433
Các khoản giảm trừ doanh thu	(5.676.707.389)	(9.383.919.981)
- Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>(5.676.707.389)</u>	<u>(9.383.919.981)</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>949.219.718.501</u></b>	<b><u>1.048.059.774.398</u></b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	100.643.466.387	215.277.328.235
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	590.982.943.140	484.821.111.302
	<u>691.626.409.527</u>	<u>700.098.439.537</u>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân công	153.505.648.414	156.899.717.772
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.624.727.696	18.476.039.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	624.631.452.674	595.700.731.182
Các chi phí khác	86.653.176.412	134.593.551.811
	<u>877.415.005.196</u>	<u>905.670.040.612</u>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	7.456.348.277	5.084.760.524
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	494.394.550	273.831.791
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	3.381.281	-
Lãi từ thu hồi các khoản đầu tư	20.198.607.702	-
	<u>28.152.731.810</u>	<u>5.358.592.315</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>96.090.728.714</b>	<b>139.811.781.707</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Chi phí liên quan đến doanh thu chưa thực hiện năm nay	(31.993.099.844)	(9.176.044.122)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		
Lợi nhuận từ việc đánh giá lại chênh lệch tỷ giá	(1.133.892.631)	(881.743.412)
Thu nhập không chịu thuế khác	-	(6.095.977.556)
Phân bổ từ doanh thu chưa thực hiện năm trước	(18.329.878.143)	(19.025.825.910)
Cộng: Doanh thu dịch vụ nhận trước đã xuất hóa đơn	42.525.633.925	26.451.673.606
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ		
Chi phí liên quan đến doanh thu chưa thực hiện năm trước	14.794.029.136	309.835.517
Chi phí không hợp lý	1.119.431.070	923.873.042
Điều chỉnh ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất (i)	(11.890.561.999)	(22.502.321.611)
Điều chỉnh Lợi nhuận các công ty con	23.962.925.743	9.167.033.664
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>115.145.315.971</b>	<b>118.982.284.925</b>
Thuế suất thông thường	22%	25%
Giảm trừ thuế nộp thừa năm 2011	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>25.331.969.514</b>	<b>29.745.571.235</b>
<b>Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại (ii)</b>	<b>1.539.270.716</b>	<b>(1.314.631.829)</b>
	<b>26.871.240.230</b>	<b>28.430.939.406</b>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT và Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất bằng 22% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Phần mềm Trực tuyến FPT được hưởng ưu đãi thuế dành cho doanh nghiệp thành lập mới hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phần mềm (miễn thuế 4 năm và giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo).

- (i) Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất phát sinh bởi các giao dịch bán nội bộ giữa Công ty và công ty con và lỗ trước thuế của các công ty con.
- (ii) Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại và tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chênh lệch tạm thời được khấu trừ thể hiện các khoản doanh thu chưa thực hiện ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho mục đích kế toán nhưng đã bao gồm trong doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm nay.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70.284.178.010	109.140.869.847
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>70.284.178.010</u></b>	<b><u>109.140.869.847</u></b>
<b>Số cổ phiếu:</b>		
Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.050.195	14.076.378
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>5.002</u></b>	<b><u>7.753</u></b>

**24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	9.708.524.367	8.623.945.653
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	12/31/2014	12/31/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	7.792.463.484	9.374.645.484
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	9.411.770.736	15.120.981.936
Trên năm năm	46.827.869.970	48.162.784.761
	<b><u>64.032.104.190</u></b>	<b><u>72.658.412.181</u></b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Thuê tầng 4 tòa nhà FPT Cầu Giấy: Hợp đồng số T4.3-2013/FPT-FO ngày 15/02/2013 thời hạn thuê 36 tháng từ 01/4/2013 đến 31/3/2016. Diện tích thuê là 860m<sup>2</sup>, tiền thuê 315.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng và có thể điều chỉnh hàng năm nhưng không quá 10% so với giá cũ, tiền thuê được bắt đầu tính từ ngày 01/10/2013. Hiện đã ký thêm phụ lục 1 ngày 31/3/2014, điều chỉnh lại diện tích thuê là 690m<sup>2</sup>, tiền thuê 315.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng và có thể điều chỉnh hàng năm nhưng không quá 10% so với giá cũ, Phí dịch vụ hàng tháng là 73.500 đồng/m<sup>2</sup>/tháng tiền thuê được bắt đầu tính từ ngày 01/4/2014.
- Thuê tầng 5 tòa nhà FPT Cầu Giấy: Hợp đồng số 07-2011/FPT-FO ngày 01/01/2012 thời hạn thuê 20 tháng từ 1/1/2012 đến 30/7/2013. Diện tích thuê là 960m<sup>2</sup>, tiền thuê 315.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng và có thể điều chỉnh hàng năm nhưng không quá 10% so với giá cũ. Hiện đã ký thêm Phụ lục số 02 ngày 30/07/2013, tiếp tục gia hạn thêm 2 năm kể từ ngày 01/8/2013 đến 31/7/2015 với cùng mức giá và diện tích thuê.
- Thuê văn phòng tại Tân Thuận: HĐ số 02-2013/TANTHUAN-FTEL ngày 01/11/2013; Thời gian thuê từ ngày 01/11/2013 đến hết ngày 23/09/2041; Tiền thuê hàng tháng là 194.062.503 đồng/tháng (bao gồm 10% VAT) và không thay đổi trong suốt thời hạn của Hợp đồng. Toàn bộ tiền nhà trong thời gian 335 tháng đã được thanh toán hết theo hình thức góp vốn xây dựng tòa nhà.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, Cổ phiếu quỹ, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	265.562.396.295	141.065.560.829
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.577.137.004	60.749.776.519
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.000.000.000	4.000.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	542.419.950
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>354.139.533.299</u></b>	<b><u>206.357.757.298</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	49.235.914.588	22.854.478.070
Chi phí phải trả	31.441.431.489	44.337.437.173
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>80.677.346.077</u></b>	<b><u>67.191.915.243</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210 /2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT**153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/14	31/12/2013	31/12/14	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	22.153.760.171	14.265.822.732	-	2.164.519.276

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với Đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản như sau:

	2014	2013
	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	221.537.602	121.013.035

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT**153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	265.562.396.295	-	265.562.396.295
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.577.137.004	-	84.577.137.004
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.000.000.000	-	4.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>354.139.533.299</b>	<b>-</b>	<b>354.139.533.299</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	49.235.914.588	-	49.235.914.588
Chi phí phải trả	31.441.431.489	-	31.441.431.489
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.677.346.077</b>	<b>-</b>	<b>80.677.346.077</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>273.462.187.222</b>	<b>-</b>	<b>273.462.187.222</b>
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	141.065.560.829	-	141.065.560.829
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60.749.776.519	-	60.749.776.519
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	542.419.950	542.419.950
<b>Tổng cộng</b>	<b>205.815.337.348</b>	<b>542.419.950</b>	<b>206.357.757.298</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	22.854.478.070	-	22.854.478.070
Chi phí phải trả	44.337.437.173	-	44.337.437.173
<b>Tổng cộng</b>	<b>67.191.915.243</b>	<b>-</b>	<b>67.191.915.243</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>138.623.422.105</b>	<b>542.419.950</b>	<b>139.165.842.055</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT**153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	
Công ty Cổ phần Thương mại FPT		Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần FPT		Cùng tập đoàn
Công ty Bán lẻ FPT		Cùng tập đoàn
Trường Đại học FPT		Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT		Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT		Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần FPT Software		Cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Công nghệ Sen Đỏ		Công ty liên kết
Công ty TNHH Nội Dung Số FPT		Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Truyền thông FPT		Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Giải pháp Phần mềm Doanh nghiệp FPT		Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT		Cùng tập đoàn
Dự án FPT-TELECOM Tân Thuận		Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông FPT Tân Thuận		Cùng tập đoàn
	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	790.567.273	1.937.169.171
Công ty Cổ phần FPT	4.025.141.668	4.000.000.000
Công ty Bán lẻ FPT	1.868.400.000	1.044.059.675
Trường Đại học FPT	215.307.824	637.690.205
Công ty Cổ Phần Công nghệ Sen Đỏ	5.319.427.295	-
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	<u>1.794.179.937</u>	<u>3.291.563.564</u>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	31.438.038.184	93.305.539.357
Công ty Cổ phần FPT	9.504.493.115	8.074.599.645
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	10.722.116.018	2.310.158.059
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	1.740.078.648	1.599.021.188
Công ty Bán lẻ FPT	337.416.016	611.800.546
Công ty Cổ phần FPT Software	-	2.101.128
Công ty Cổ Phần Công nghệ Sen Đỏ	3.875.612.081	-
Công ty CP Chứng khoán FPT	26.076.000	-
Trường Đại học FPT	<u>11.025.900</u>	<u>-</u>
Lương và thưởng của Ban Tổng Giám Đốc trong năm	<u>1.972.166.667</u>	<u>3.076.266.000</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT**153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Bán lẻ FPT	-	51.005.000
Trường Đại học FPT	-	27.000.000
Công ty Cổ phần FPT	485.835	-
Công ty TNHH Nội dung Số FPT	9.810.209	-
Công ty CP Viễn thông FPT	302.662.138	-
Công ty TNHH Truyền thông FPT	548.850.106	-
Công ty TNHH Một thành viên Giải pháp Phần mềm	13.502.500	-
Doanh nghiệp FPT	-	-
Cty Cổ Phần Công Nghệ Sen Đỏ	<u>11.948.165.956</u>	<u>-</u>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	4.979.613.514	2.394.717.392
Công ty Cổ phần FPT	749.237.972	3.724.167.642
Công ty TNHH MTV viễn thông quốc tế FPT	15.416.260	-
Dự án FPT-TELECOM Tân Thuận	161.850.260	-
	339.049.995	-
Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông FPT Tân Thuận	-	-
Cty Cổ Phần Công nghệ Sen Đỏ	<u>2.462.255.898</u>	<u>-</u>

Nguyễn Ngọc Duy Sinh  
Người lập biểuLê Thị Thanh Hằng  
Kế toán trưởng  
Nguyễn Văn Khoa  
Giám đốc Điều hành  
Ngày 28 tháng 02 năm 2015